Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel

FireAnt

Ngày 31/03/2024	44,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	24.9%	**72.0%**	**91.3%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,800 - 44,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	134,536
Số lượng CPLH (CP)	3,043,811,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,055,645
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.70
EPS	450
P/E	98.3

DT thuần
Q1/24
7,907
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 343| 4.5%
YoY: ▲ 1,426| 22.0%

LN trước thuế
Q1/24
2,479
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,182| 91.1%
YoY: ▲ 1,491| 151%

LN sau thuế
Q1/24
1,633
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 932| 133%
YoY: ▲ 1,038| 175%

ROA
2023
1.2%
+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần
2023
28,212
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,582| 19.4%

LN trước thuế
2023
3,879
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 865| 28.7%

LN sau thuế
2023
1,647
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 106| 6.9%

ROE
2023
2.1%
+/- YoY: ▼ 0.8%

Cơ cấu sở hữu

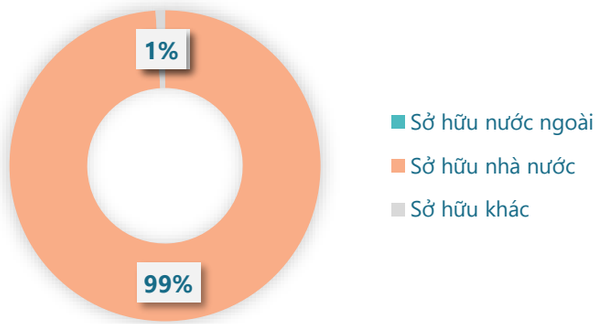

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

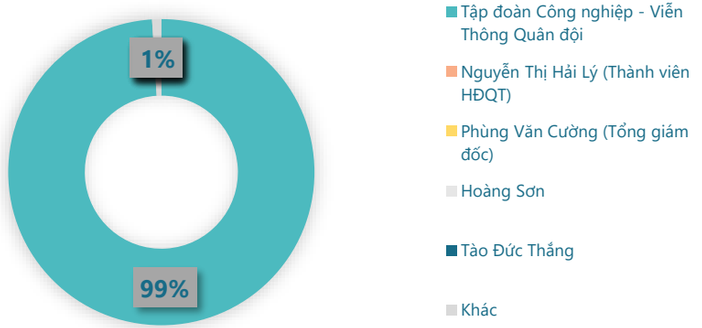

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

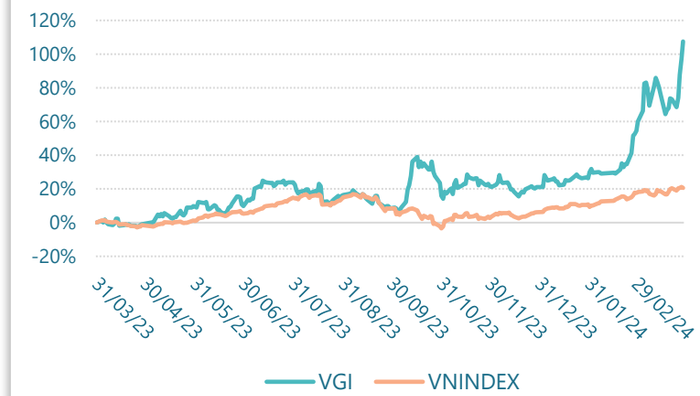

Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel

FireAnt

Kết quả kinh doanh

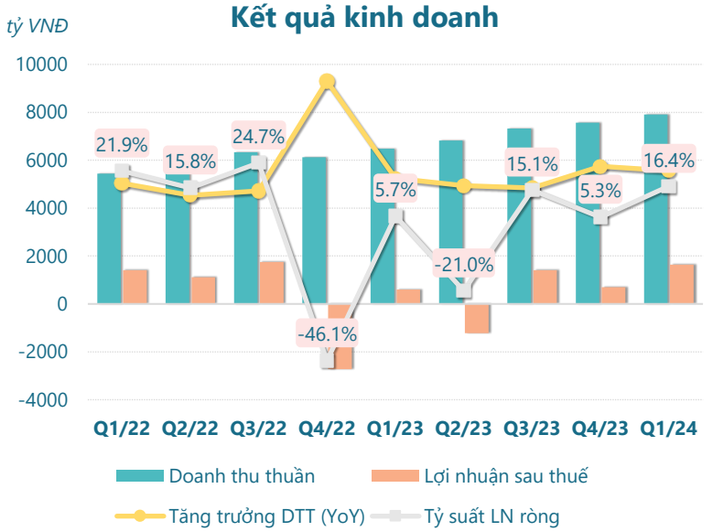

(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế

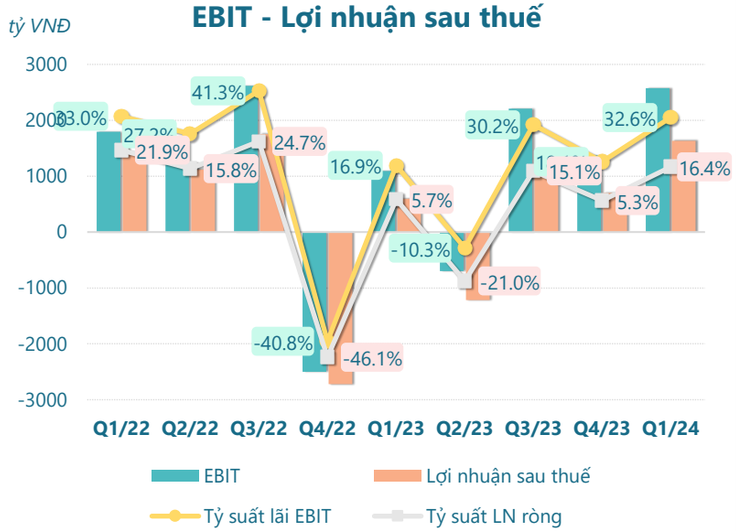

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

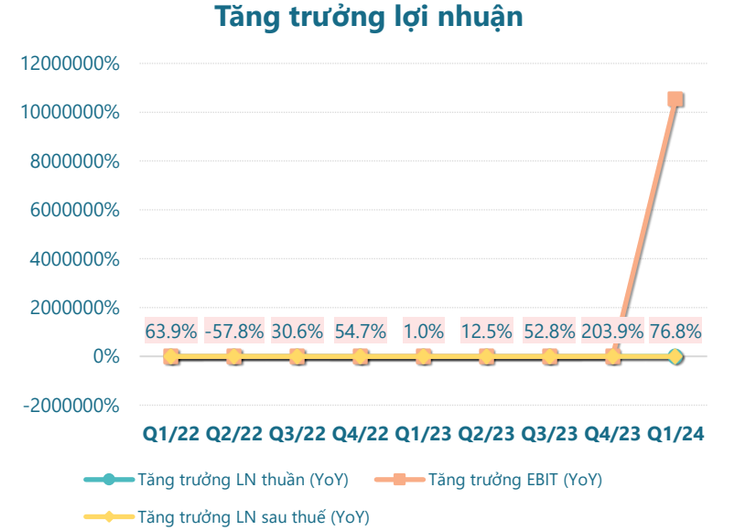

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận

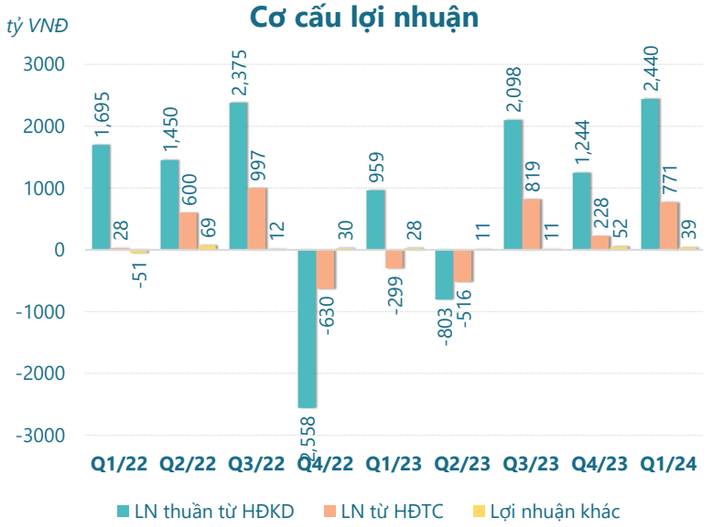

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí

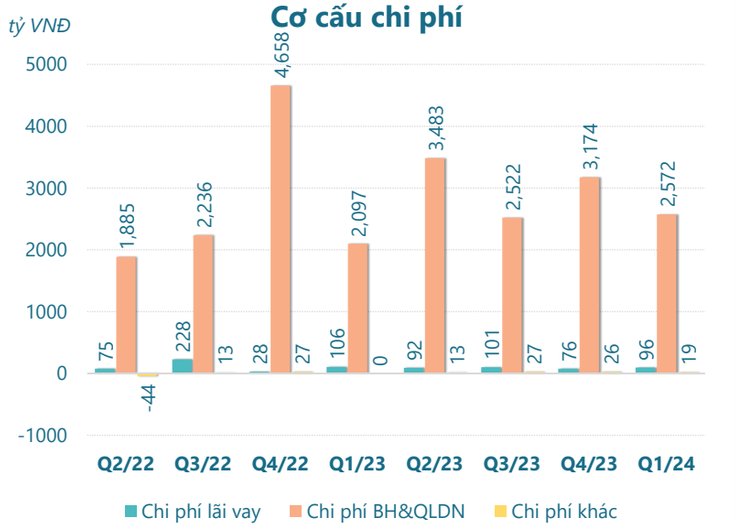

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

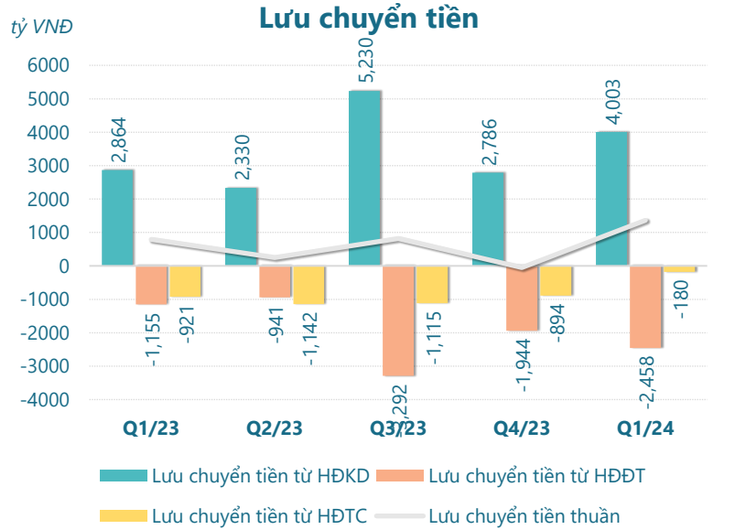

(Nguồn: fireant.vn)

Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel

FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận

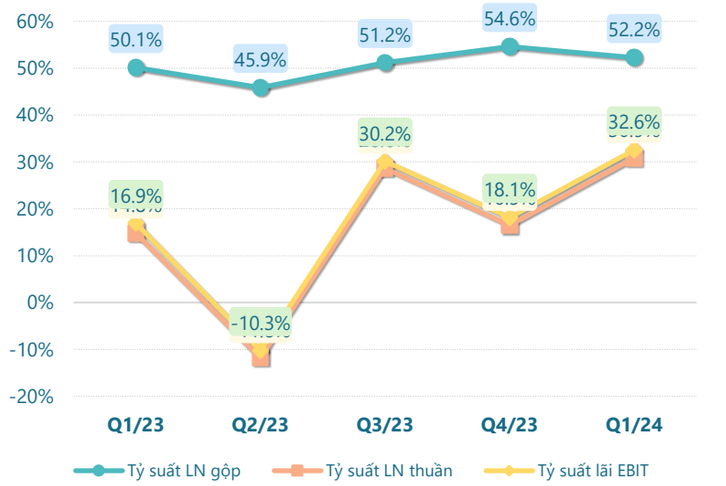

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

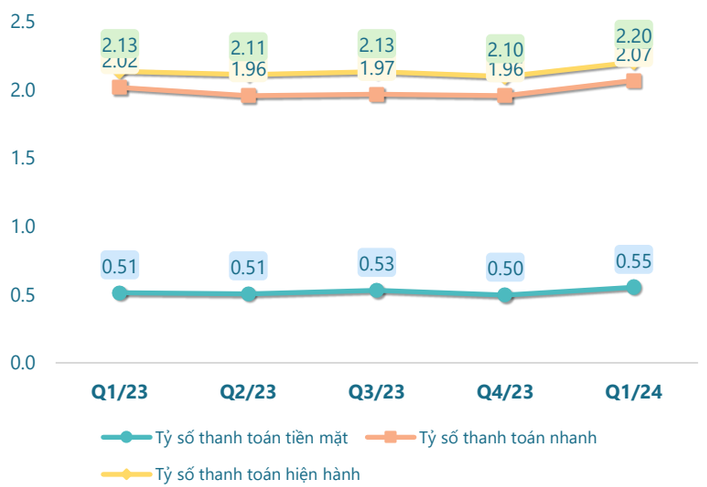

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

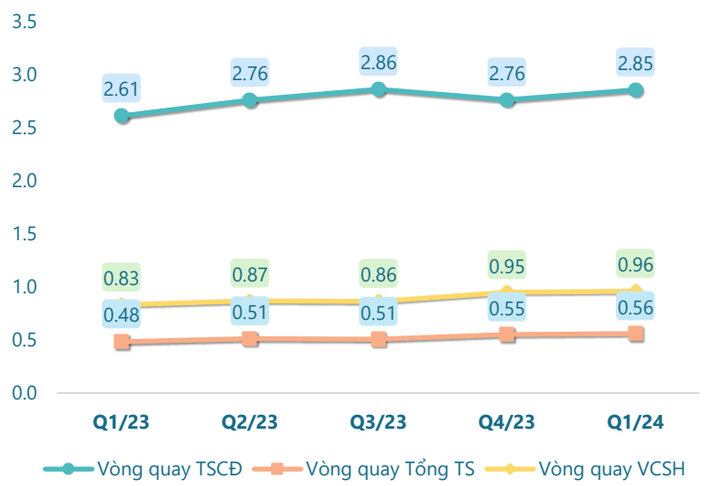

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

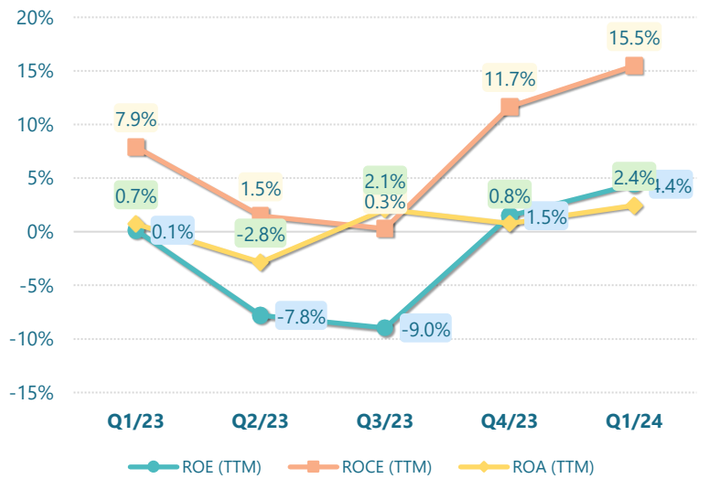

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

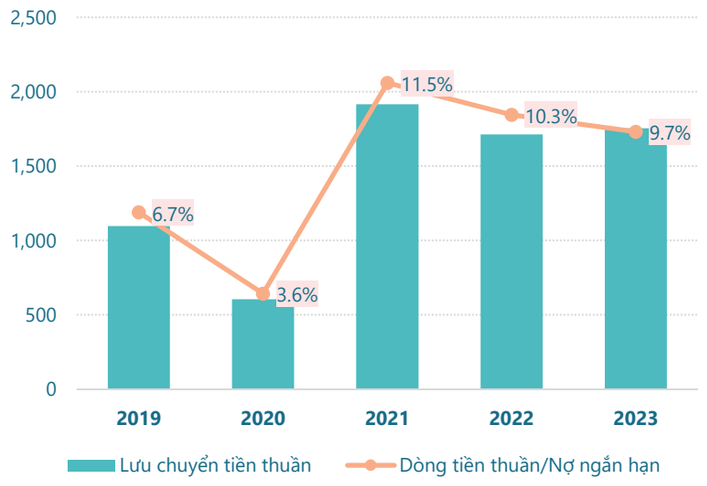

(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá

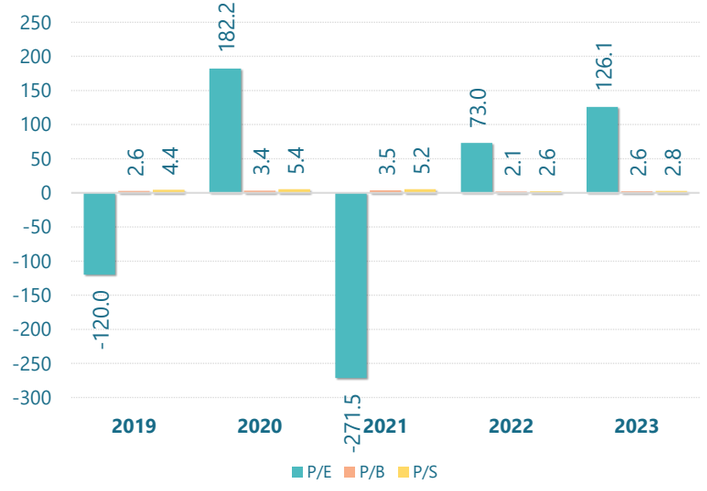

(Nguồn: fireant.vn)